TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N2 VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2023/QĐST-DS	*Tp.Bạc Liêu, ngày 24 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thoả T được với nhau về việc giải quyết T1bộ vụ án dân sự thụ lý số: 256/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả T của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết T1bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả T giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả T của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Hữu T**, sinh năm 1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 24, Lô X, Khóm H, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở hiện nay: số 95F/4, Khóm 2, Khóm H, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông **Trần Thanh T1**, sinh năm 1982; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 24, Lô X, Khóm H, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở hiện nay: số 95F/4, Khóm H, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông Sơn Chúc P, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm 1, phường D, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, văn bản ủy quyền ngày 22/3/2022.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà **Vũ Thị Tuyết N**, sinh năm 1948;

2/. Bà **Trần Thúy N1**, sinh năm 1965;

3/. Ông **Trần Phúc Đ**, sinh năm 1972;

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: số 24, Lô X, Khóm H, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở hiện nay: số 95F/4, Khóm H, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền của bà N, bà N1 và ông Đ: Ông Sơn Chúc P, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm 1, phường D, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, văn bản ủy quyền ngày 17/3/2022 và ngày 10/02/2023

4/. Ông **Trần Bình T2**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 88B, đường V, Phường R, thành phố S, tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền của ông T2: Ông Sơn Chúc P,

sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm 1, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, văn bản ủy quyền ngày 22/3/2022.

5/. Ông **Trần Trung N2**, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp E, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Người đại diện theo ủy quyền của ông N2: Ông Sơn Chúc P, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm 1, phường D, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, văn bản ủy quyền ngày 07/4/2023.

6/. Ông **Trần Trung H**, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp 5, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông Sơn Chúc P, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm 1, phường D, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, văn bản ủy quyền ngày 23/3/2022.

7/. Ông **Trần Trọng K**, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp Q, xã Q1, huyện T5, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Ông Sơn Chúc P, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm 1, phường D, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, văn bản ủy quyền ngày 20/02/2023.

2. Sự thoả T của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Ông Trần Hữu T, ông Trần Thanh T1, bà Vũ Thị Tuyết N, bà Trần Thúy N1, ông Trần Bình T2, ông Trần Trung N2, ông Trần Phúc Đ, ông Trần Trung H và ông Trần Trọng K thống nhất xác định diện tích đất 132m^2, trong đó có 91,63m2 loại đất ở và 40,37m2 loại đất vườn, thửa đất số 76-1, 76-2, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại Khóm H, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00564 QSDĐ/1066/QĐ UBTX ngày 26/6/2002 cấp cho Hộ ông Trần Quảng Đ1 là tài sản chung của ông Trần Quảng Đ1 và bà Vũ Thị Tuyết N. Hiện trạng đất có tứ cạnh:

+ Hướng đông giáp hẻm công cộng R 5,0m có số đo 5,5m

+ Hướng tây giáp thửa 169 có số đo 5,5m

+ Hướng Nam giáp hẻm công cộng R 3.0m có số đo 16,66m + 7,34m

+ Hướng Bắc giáp phần đất ông Trần Hoài Nam thửa 168 có số đo 16,66m + 7,34m

2.2/ Ông Trần Hữu T, ông Trần Thanh T1, bà Vũ Thị Tuyết N, bà Trần Thúy N1, ông Trần Bình T2, ông Trần Trung N2, ông Trần Phúc Đ, ông Trần Trung H thống nhất chia di sản của ông Trần Quảng Đ để lại là một phần hai diện tích đất 132m^2, tại thửa đất số 76-1 và 76-2, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại Khóm 2, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu với giá trị là 406.890.000 đồng (*Bốn trăm lẻ sáu triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng)* thành tám phần bằng nhau, giá trị mỗi kỷ phần là 50.861.250 đồng *(Năm mươi triệu tám trăm sáu mươi mốt ngàn hai trăm năm mươi đồng)*. Ông Trần Hữu T nhận một kỷ phần với gía trị là 50.861.250 đồng *(Năm mươi triệu tám trăm sáu mươi mốt ngàn hai trăm năm mươi đồng)*. Ông Trần Thanh T1, bà Trần Thúy N1, ông Trần Bình T2, ông Trần Trung N2, ông Trần Phúc Đ, ông Trần Trung H đã khước từ lại cho bà Vũ Thị Tuyết N nên bà N được nhận bảy phần.

2.3/ Ông Trần Hữu T, ông Trần Thanh T1, bà Vũ Thị Tuyết N, bà Trần Thúy N1, ông Trần Bình T2, ông Trần Trung N2, ông Trần Phúc Đ, ông Trần Trung H thống nhất cho bà Vũ Thị Tuyết N nhận hiện vật là quyền sử dụng đất nên bà Vũ Thị Tuyết N có trách nhiện thanh toán cho ông Trần Hữu T số tiền 50.861.250 đồng *(Năm mươi triệu tám trăm sáu mươi mốt ngàn hai trăm năm mươi đồng)*.

2.4/ Sau khi bà Vũ Thị Tuyết N thực hiện xong N2 vụ tài chính đối với ông Trần Hữu T như trên thì bà Vũ Thị Tuyết N có toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 132m^2, tại thửa đất số 76-1, 76-2, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại Khóm 2, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00564 QSDĐ/1066/QĐ UBTX ngày 26/6/2002 cấp cho Hộ ông Trần Quảng Đ1. Bà Vũ Thị Tuyết N được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cập nhật biến động hoặc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2.5/ Về các tài sản trên đất: Ông Trần Hữu T, ông Trần Thanh T1, bà Vũ Thị Tuyết N, bà Trần Thúy N1, ông Trần Bình T2, ông Trần Trung N2, ông Trần Phúc Đ, ông Trần Trung H và ông Trần T2 K thống nhất xác định: Các tài sản trên đất là do bà Vũ Thị Tuyết N xây dựng nên không có yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản này, không đặt ra yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.6/ Về chi phí xem xét thẩm định tài sản là 2.091.000 đồng *(Hai triệu không trăm chín mươi mốt ngàn đồng*), ông Trần Hữu T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này. Ông T đã dự nộp xong nên không phải nộp thêm.

2.7/ Về án phí dân sự có giá ngạch:

Ông Trần Hữu T được chia di sản thừa kế với giá trị là 50.861.250 đồng nên phải chịu án phí là 1.272.000 đồng (*Một triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng*). Ông T đã nộp tạm ứng án phí với số tiền là 1.272.000 đồng theo Biên lai số 0007949 ngày 17/10/2022 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được đối trừ, ông T không phải nộp thêm.

Bà Vũ Thị Tuyết N là người cao tuổi có đơn xin miễn giảm án phí nên không phải nộp án phí đối với kỷ phần của bà được nhận. Bà Vũ Thị Tuyết N tự nguyện chịu án phí đối với các kỷ phần của ông Trần Thanh T1, bà Trần Thúy N1, ông Trần Bình T2, ông Trần Trung N2, ông Trần Phúc Đ, ông Trần Trung H khước từ cho bà N nên bà N phải nộp án phí là 7.629.000 đồng *(Bảy triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp.Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Hồng Trinh